

Thân Phận Người Con Gái Của Cần Thơ

Tôi chào đời trong khói lửa chiến tranh, anh chị em tôi lớn lên trong cái nôi của cách mạng. Những bàn tay kháng chiến đã ru ngủ, bao bọc chúng tôi cho đến lúc chúng tôi thành người. Cha tôi là một nhà cách mạng, một người đàn ông lý tưởng, thơ mộng, yêu quê hương, yêu gia đình. Từ một thanh niên chống Pháp giành tự do độc lập cho nước nhà, ông trở thành một đảng viên cao cấp của đảng cộng sản Việt Nam và giữ chức Đại Sứ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tại Liên Xô 7 năm ròng rã cho đến ngày miền Bắc thôn tính miền Nam. Mẹ tôi là một người can đảm, chung thủy với gia đình và đất nước. Bà yêu chuộng tự do, tôn thờ đạo làm người, như hàng triệu đàn bà Việt Nam thuần túy khác. Má tôi vừa làm mẹ vừa làm cha, nuôi một đàn con thơ trong suốt khoảng thời gian chiến tranh, từ trong bụng biển cho đến những năm khó khăn chôn thị thành.

Năm 1954 ba tôi quyết định tập kết ra Bắc. Tình nước đã nồng mà tình nhà cũng đậm nên ba tôi muốn đem cả vợ và 7 con ra Bắc. Năm đó má tôi 37 tuổi đời, không có một tuổi đảng nào, không một chức tước gì trong chánh phủ cách mạng. Nhưng má tôi đã hiểu rộng, đã biết nhìn xa mà lo sợ và chán ngán cuộc sống trong chế độ mà ba tôi đang thờ phượng. Má tôi can đảm từ chối lời mời của đảng và của chồng. Bà nói nhỏ với ba tôi: “Con tôi còn nhỏ quá để tôi nuôi. Nếu để Bác Hồ của anh nuôi chúng nó sẽ hư hết.”

Ba tôi muốn chồng đâu vợ đó, muốn cho chúng tôi được đi học ở ngoài Bắc rồi có thể được du học bên Tàu bên Nga. Nghe nói vậy, má tôi còn sợ hơn nữa. Thế là ba tôi đành đi tập kết một mình và dắt người anh lớn của tôi theo và hứa sau hai năm sẽ trở về với gia đình sau cuộc tổng tuyển cử mà ông tin là cộng sản chắc chắn sẽ thắng. Cuộc chia ly nào cũng đau buồn, cũng mất mát. Kể từ ngày ba tôi ra đi má tôi mất đi cái diễm phúc được làm vợ của một nhà cách mạng, của một người đàn ông đẹp trai, lãng mạn, yêu vợ thương con. Nhưng bù lại má tôi được tự do chọn lựa. Kết quả của sự lựa chọn đó là chúng tôi được sống ở miền Nam, được hít thở không khí tự do và hiểu được thế nào là dân chủ.

Ba tôi đi rồi má tôi rời khỏi bụng biển, trở về làng sống với cha mẹ. Lúc đó tôi mới có 9 tuổi, hai người chị lớn 16, em trai kế tôi 6 tuổi, em gái 3 tuổi và đứa em út vừa được 6 tháng. Má tôi gặp biết bao khó khăn trong đời sống cô đơn ở một hoàn cảnh nhiều thử thách. Nào là một đàn con nhớ cha cứ hỏi “Chùng nào ba về?”, nào là bị công an miền Nam theo dõi, điều tra về ông chồng tập kết của bà. Trong khi đó bọn Việt Cộng nằm vùng cũng thường gõ cửa sau kêu gọi đóng góp cho cách mạng.

Là một người đàn bà có bản tánh thẳng thắn, dứt khoát, má tôi một mực trả lời với công an quốc gia rằng: “Tôi lo may vá nuôi đám con nít phát gạo còn không nổi làm sao có thì giờ đi kiếm chồng tôi được.”

Khi phải giáp mặt với bọn Việt Cộng nằm vùng, má tôi thành thật nói: “Ba của sắp nhỏ để lại sáu đứa con chỉ dựa mẹ con tôi chờ hai năm ông về. Vì con còn nhỏ quá nên ông không dặn tôi phải tham gia tổ chức nào, chỉ mong cho tôi mạnh giỏi nuôi con ăn học tới nơi tới chốn.”

Lúc 10 hay 11 tuổi, tôi khám phá ra là tôi yêu thương cái làng của ông bà tôi ở. Thương con sông nhỏ, thương mảnh vườn cam, vườn quít, thương hàng dừa, thương ruộng lúa từ mùa khô cho đến mùa nước lũ. Tôi cũng biết tình yêu đó sở dĩ mà có là nhờ được làm con của một người yêu nước và làm cháu của một gia đình nông dân chất phác. Bà ngoại tôi thương từ hột lúa giống, tới trái cam, cây quít trong vườn. Tôi nhớ lại những năm mà cách mạng lấy nhà, lấy đất của chủ điền cho những người đi theo cách mạng và gia đình họ trú ngụ, chủ điền bị đuổi ra khỏi nhà tạm thời. Tôi so sánh giữa đời sống trong vùng được gọi là giải phóng dưới chế độ của hồ chí minh và đời sống của ông bà tôi ở một nơi mà cộng sản chưa tới được, tôi bỗng rùng mình vì không ngờ các cán bộ cách mạng lại hà hiếp người dân như vậy!

Tôi may mắn được lớn lên trong một đại gia đình mà vận nhà, vận nước gắn liền với đời sống của chúng tôi. Bà con họ hàng xa gần, phần đông là nông dân, thường đến nhà ông bà tôi để bàn luận về việc nước, chuyện thời sự, chuyện phân chia Bắc Nam. Người thì sợ lính của ông Hồ kẻ thì nghe ông ngoại tôi đọc nhật trình rồi bàn chuyện nước non. Đặc biệt là dòng họ tôi không ai có ý nghĩ chánh phủ nào cũng vậy. Họ là những người thấu hiểu thời sự nhờ giao thiệp, gần gũi với ông ngoại tôi, với các cậu của tôi và với ba tôi. Ai tin tưởng ở ông ngoại tôi thì chống cộng, ai ngưỡng mộ ba tôi và các cậu tôi thì một mực tin cộng sản dưới lốt Việt Minh là những người chống xâm lăng cứu nước.

Tôi nhớ năm 1955 hay 1956 gì đó, dân trong làng họp nhau ở nhà ông bà tôi chờ sao chổi mọc lên. Có người muốn cán chổi xoay về hướng Bắc để lính ông Hồ quét sạch miền Nam, Nhưng cũng có người lại mong cán chổi xoay về hướng Nam để đập tan Bắc Kỳ Hà Nội. Tôi không muốn ba tôi chết nếu người ta đập tan Bắc Kỳ Hà Nội, chỉ muốn ông bỏ đảng về với gia đình thôi.

Không có cha, tôi quán quýt bên ông ngoại. Có lần tôi hỏi ông sao ba tôi đi ra Bắc mà bè bạn đồng chí của ba không còn ai giúp đỡ chúng tôi như trước nữa? Ông ngoại tôi nói họ cũng đã đi hết với ba tôi rồi. Có hơn 180,000 người tập kết ra Bắc. Mấy ngày sau tôi hỏi ông là má không theo ba tập kết ra Bắc thì má có sai không? Ông tôi khuyên: “Ráng siêng học lên để đọc nhật trình mà biết thêm tin tức với người ta. Ngoài Bắc có 7, 8

trăm ngàn người di cư vô Nam. Họ sợ cộng sản quá họ mới phải bỏ làng bỏ xóm ra đi thì má con ngu dại gì mà đi nạp mình cho thằng già Hồ?”

Ông tôi rất trọng việc học nên đã kèm cho một đàn cháu 15 đứa đi học. Ông khuyên chúng tôi phải chăm học và ngoan ngoãn để má tôi an tâm và sau này có thể giúp đỡ má. Ông tôi chỉ cấm chúng tôi có một điều là không được theo Việt Cộng. Chỉ có bọn tôi, con của má tôi, là không một ai theo Việt Cộng. Nhưng năm người chị, con của cậu tôi, đều nổi gót cha chồng Mỹ cứu nước.

Tôi sống trong một giai đoạn của lịch sử Việt Nam mà ngày hay đêm không phân biệt được, phải hay trái, trắng hay đen đều mịt mù, không rõ ràng đối với tôi. Nhưng điều dễ nhận thấy nhứt trước mắt tôi là những cán bộ Việt Cộng nằm vùng đã có những hành động bạo ngược. Dù còn nhỏ tôi cũng hiểu rằng cái gì bạo ngược là phi nghĩa, là trái lòng dân, là nghịch ý trời.

Từ năm 1954 cho đến 1975, má tôi một lòng chung thủy chờ chồng dù suốt thời gian đó má tôi không nhận được một lá thư, một lời nhắn hay một bức hình nào của ba tôi. Nhưng bà vẫn tin là ông còn sống. Chúng tôi cũng muốn tin ba mình còn sống. Tháng Tư năm 1975, chồng tôi về Việt Nam để tìm cách rước má tôi, mặc dầu lúc đó sĩ quan Mỹ không được vô Sài Gòn nếu không có sự vụ lệnh. Nhưng chồng tôi nói thà bị ra tòa án quân sự Mỹ còn hơn là để má và các em tôi ra tòa án nhân dân của cộng sản. 28 tháng Tư năm 1975 má tôi và hai đứa em rời Sài Gòn.

Trong một buổi sáng mặt trời chưa lên má tôi mắt nước, mắt dịp được gặp lại đứa con trai lớn theo cha đi tập kết. Bà không được đem theo hành lý, chỉ có 1 cái valise nhỏ, trong đó má tôi gói ghém hết những kỷ niệm của đứa con trai tử nạn vì máy bay trực thăng. Má tôi bỏ đi là một hình thức của cái thau nước tạt vào mặt đồng chí của ba tôi. Nhưng ba tôi kiên nhẫn, thông cảm và ước mong má tôi quay trở về Việt Nam với ông. Ba tôi yêu cầu vợ chồng tôi đưa má tôi qua Pháp để ông rước má tôi về Việt Nam sống với ông và anh cả của tôi. Lúc đó tôi không biết có một phép lạ nào đã giúp tôi lo được giấy tờ đưa má tôi qua Pháp gặp ba tôi. Thời thế tạo anh hùng chớ tôi không biết hóa phép.

Chị em tôi không muốn má về Việt Nam mà chỉ muốn ba má được sống bên nhau trong những năm còn lại của hai người. Nhưng chúng tôi cùng đồng ý rằng để má tự quyết định. 21 năm về trước má đã tự quyết định cho đời má và quyết định cho chị em chúng tôi. Lúc đó má tôi mới có 37 tuổi. Tất cả trong tay má, tất cả trong tim má và bài học lịch sử của đất nước má đã thuộc lòng.

Phút giây tái ngộ của hai vợ chồng được kiểm soát bằng cặp mắt của tình báo cộng sản. Tôi muốn họ đi chỗ khác để ba má tôi tự do nói chuyện nhưng họ nói họ có bổn phận phải giữ an ninh cho hai ông bà.

Sau hơn một tuần gặp nhau, tiếng khóc xen tiếng cười của cha mẹ tôi làm cho tôi tưởng tôi đang sống trong mơ hay lạc vào một thế giới thần tiên nào đó. Từ thơ mộng đến ác mộng chỉ xảy ra trong một thời gian ngắn. Khi má tôi đã sẵn sàng theo ba tôi về Việt Nam, bà bỗng nửa đùa nửa thật hỏi:

“Tôi về Sài Gòn mấy thằng cán bộ sẽ làm gì tôi, anh biết không?”

Ba tôi chau mày nói: “Sao em dùng những danh từ chữ không đẹp để gì hết vậy?”

Má tôi liền đáp: “Trong Nam của tôi chỉ có những chữ đó để kêu họ thôi, tôi đâu biết tiếng gì khác hơn.”

Suy nghĩ một lát ba tôi nhìn về phía thật xa rồi nói: “Em về thì mấy anh sẽ mời em lên nói chuyện... Chắc là em sẽ phải đi học tập ít ngày.”

Má tôi tỏ ý không bằng lòng nhìn thẳng vào mắt ba tôi, rồi hỏi: “Tôi khôn hơn mấy thằng cán bộ của anh, lại không làm gì ác độc như anh Ba Dẫn của anh, thương nước thương nòi hơn cậu Hồ của anh, thì ai mà dạy tôi học với tập được? Mà tôi đâu có tội gì với Đảng với Bác của anh?”

Ba tôi bụm miệng má tôi lại vì hai người đang ở trong villa của cộng sản, nơi mà Nguyễn thị Bình và Lê Đức Thọ đã từng ở trong thời gian hội nghị Ba Lê. Rồi ba tôi hạ giọng nói nhỏ: “Em bỏ nước ra đi khi toàn dân chào mừng cách mạng, em còn để cho con lấy chồng Mỹ.”

Má tôi cười ngạo: “Dạ thưa đồng chí, những người Mỹ này là cha của cháu ngoại đồng chí. Còn nói chào với đón... thì ai chào ai đón mấy ông rồi sẽ hối hận ê chề sau tuần trăng mật.”

Thế là cuộc xum họp tan vỡ. Má tôi trở về Mỹ như một con chim đại bàng bị thương. Ba tôi về Sài Gòn như một hiệp sĩ thua trận. Nhưng tình nghĩa giữa cha mẹ tôi vẫn nồng vẫn đậm. Kể từ đó ba tôi làm thơ lén gửi cho má tôi bằng cách nhờ những người tin cậy chuyển đến tay má tôi. Trong khi đó, má tôi vẫn cố gắng bảo vệ tánh mạng của ba tôi bằng cách ngăn cản, năn nỉ tôi đừng chống cộng công khai. Biết tôi viết quyển A Thousand Tears Falling bà rất hãnh diện về công trình này của tôi, nhưng lại năn nỉ tôi đừng xuất bản khi ba tôi bà còn sống.

Ba tôi qua đời vào mùa hè năm 1986. Tôi xuất bản A Thousand Tears Falling vào mùa Thu năm 1995.

Tiền nhân đã để lại cho chúng ta một kho tàng và kinh nghiệm. Lịch sử là những bộ sách học làm người cho nhân loại. Quá khứ vẫn sống trong tôi theo với nhịp sống hằng ngày của tôi. Đó là kinh nghiệm của một người Việt Nam từng trải qua những giai đoạn thâm, tàn khốc nhất của đất nước. Nhưng những tàn khốc, bạo lực ấy đã không giết được tôi. Trái lại nó đã tạo cho tôi một sức mạnh, một lý trí, một bài học có thể dùng làm kim chỉ nam để trở nên con người hữu dụng.

Tôi chỉ là một đàn em nhỏ bé của những người đi trước, lại có người kêu tôi là thực nữ. Tôi đã ý thức được trách nhiệm của tôi là cùng với các bậc đàn anh cương quyết giữ cho ngọn lửa thiêng sáng mãi để khỏi phụ lòng những người đã ngã xuống cho tự do, cho quyền sống của con người. Tôi cũng có trách nhiệm nhắc nhở tất cả những người đã thành công, đã được hưởng tự do nơi hải ngoại đừng chà đạp lên giấc mơ Dân Chủ của dân Việt Nam đang sống trên giải đất phì nhiêu nhưng lại nghèo khổ nhất trên thế giới. Tiền tài, danh vọng ta đã có hết, có luôn cả tự do nữa. Bắt tay với cộng sản dưới chiêu bài hòa giải hòa hợp để làm ăn hay kiếm một chỗ ngồi trong tương lai chúng ta sẽ có thể bị con cháu chất vấn là “Cha mẹ hay ông bà đã làm gì khi nước mất nhà tan? Cha mẹ hay ông bà đã làm gì khi dân Việt Nam bị cộng sản áp bức, đọa đày?”

Gia tài để lại cho thế hệ sau không phải là những lời hay, lời đẹp khắc trên mộ bia của người quá cố mà là hành động của chúng ta lúc còn sống trong tự do. Cá nhân tôi, vì tôi là người được hưởng tự do nên tôi không có những suy nghĩ của người phải sống trong gông cùm nô lệ. Tôi muốn tất cả mọi người phải được tự do như tôi.

Hãy yêu người như ta yêu ta, đó là lời dạy của một thiền sư.

Đặng Mỹ Dung - Yung Krall



Yung Krall

WENN TAUSEND TRÄNEN FALLEN

Die wahre Geschichte einer vietnamesischen Familie –
zerrissen durch Krieg, Kommunismus und CIA



In einer Übersetzung durch

Patrick Thanh Nguyen-Brem

Mit Geleitworten von Dr. Rupert Neudeck und Vera Lengsfeld

Nguồn: Internet eMail by psxh chuyển

Đăng ngày Chúa Nhật, April 15, 2019

Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH